

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HSST

Ngày: 25-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2020/TLST- HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/HSST- QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. L.V.H, sinh năm 1970 tại Hải Dương. Nơi cư trú: thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L.V.X và bà V.Th.S (đều đã chết); Vợ: B.Th.H; có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. B.X.T, sinh năm 1982 tại Hải Dương. Nơi cư trú: thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông B.X.M và bà V.Th.X; Vợ Ng.Th.H; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. H.Đ.B, sinh năm 1971 tại Hải Dương. Nơi cư trú: thôn Mậu An, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông H.Đ.D và bà Ng.Th.B (đã chết); vợ Ng.Th.H; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: +. Tại bản án số 47 ngày 14/11/1991, bị TAND huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng tuyên phạt 18 tháng tù, về tội Cố ý gây thương tích (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án);

+ . Tại bản án số 158 ngày 18/9/1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng xử phạt 12 năm tù về tội Cướp tài sản (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án);

+ . Tại bản án số 33 ngày 29/6/2012, bị TAND huyện Cẩm Giàng tuyên phạt 07 tháng tù về tội Đánh bạc (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. H.B.T, sinh năm 1983 tại Hải Dương. Nơi cư trú: thôn Bái Dương, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông H.B.T và bà Ph.Th.H; Vợ Đ.Th.Ng; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 182 ngày 25/11/2009, bị Công an huyện Cẩm Giàng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. B.X.Kh, sinh năm 1967 tại Hải Dương. Nơi cư trú: thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông B.X.Tr (đã chết) và bà Đ.Th.G; vợ L.Th.M; có 01 con sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cẩm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 13/10/2020, B.X.T, H.Đ.B và H.B.T đi B đến nhà L.V.H tại thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương chơi rồi cùng rủ nhau đánh bạc sát phạt bằng tiền dưới hình thức đánh chắn. H lấy B bài chắn 100 quân và 01 bát sứ có sẵn tại nhà rồi tất cả ngồi xuống phòng khách nhà H để đánh bạc, thống nhất cách chơi như sau: Bốn người dùng B bài chắn chia đều thành 05 phần, mỗi phần 19 chín quân bài, người đánh trước được chi 20 quân, số còn lại gọi là bài lọc đặt trong bát sứ. Bài ù là bài người chơi có 10 chắn hoặc cạ trong đó phải có ít nhất 06 chắn còn lại là ạ (Chắn là 2 quân bài giống nhau về số và chất còn cạ là 2 quân bài giống nhau về số nhưng khác nhau về chất), ù tôm là bài có cả tam vạn, tam sách, thất văn; ù lèo là bài có cả cửu vạn, bát sách, chi chi; ù bạch định là bài toàn quân màu đen ù tám đỏ là bài có tám quân đỏ; tỷ lệ sát phạt là “xuông 40 dịch 20” tức là ù xuống (ù không có cước) thì mỗi người chơi phải trả cho người ù số tiền 40.000đồng; ù có cước thì mỗi cước được tính là 01 điểm tương đương số tiền 20.000đồng. Quá trình đánh bạc các bị cáo quy định ù tôm được tính thêm 60.000đồng, ù lèo được tính thêm 80.000đồng; ù tám đỏ, bạch định được tính 240.000đồng. Nếu một trong bốn người chơi ù một trong các cước trên thì những người còn lại phải trả tiền cho người ù, nếu bốc hết quân bài lọc trên đĩa mà không có người ù thì ván chơi đó hoà.

Vào khoảng 09 giờ 00 phút các bị cáo bắt đầu đánh bạc, đến 09 giờ 30 phút Bùi Văn Kh đến nhà H ngồi xem đánh bạc; H, T, B, T bảo Kh chia bài đánh bạc, khi nào đánh xong sẽ cho Kh tiền, Kh đồng ý. Các bị cáo đánh bạc đến 11 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng phối H với Công an xã Cẩm Điền phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại vị trí đánh bạc 01 bát sứ, 01 B bài chắn 100 quân và số tiền 21.000.000đồng (gồm 5.000.000đồng trong túi quần của T, 650.000đồng trong túi quần của Kh) và 2.420.000đồng trong người H.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: L.V.H sử dụng 2.420.000đồng; Bùi Xuân T sử dụng 2.400.000đồng; H.Đ.B sử dụng 800.000đồng; H.B.T trước khi tham gia đánh bạc có số tiền 7.000.000đồng, khi đánh bạc chỉ sử dụng 2.000.000đồng, số tiền còn lại 5.000.000đồng không sử dụng để đánh bạc; Kh không dùng số tiền 650.000đồng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc thu giữ được tại vị trí đánh bạc là 17.770.000đồng, tổng số tiền các bị cáo khai dùng đánh bạc là 7.620.000đồng. Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền chênh lệch là của những ai.

Về vật chứng: Ngày 16/10/2020, cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng đã trả lại cho bị cáo T số tiền 5.000.000đồng; trả cho bị cáo Kh số tiền 650.000đồng. Số tiền 17.770.000đồng thu giữ tại vị trí đánh bạc tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Cẩm Giàng; 01 bát sứ, 01 B bài chắn gồm 100 quân hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 71/QĐ- VKS ngày 09/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng đã truy tố các bị cáo L.V.H, B.X.T, H.Đ.B, H.B.T và B.X.Kh về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 B luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trình bày luận tội: Giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (được viết tắt HĐXX):

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo L.V.H, B.X.T, H.Đ.B, H.B.T và B.X.Kh phạm tội “Đánh bạc”.

* Về hình phạt chính:

-. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 B luật hình sự đối với các bị cáo L.V.H, B.X.T.

+. Xử phạt: Bị cáo L.V.H từ 10 đến 12 tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ 03 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+. Xử phạt: Bị cáo B.X.T từ 09 đến 11 tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ 03 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 B luật hình sự đối với bị cáo H.Đ.B.

+. Xử phạt: Bị cáo H.Đ.B từ 08 đến 10 tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ 03 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 B luật hình sự đối với bị cáo H.B.T.

Xử phạt: Bị cáo H.B.T từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo T cho UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú quản lý giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

-. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 B luật hình sự đối với bị cáo B.X.Kh.

Phạt tiền: Đối với bị cáo B.X.Kh từ 50.000.000đồng đến 70.000.000đồng sung công quỹ Nhà nước.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 B luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 17.770.000đồng là tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ; 01 B bài chắn gồm 100 quân là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 B luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] .*Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của B luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi của các bị cáo*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 13/10/2020, tại phòng khách nhà L.V.H ở thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, L.V.H, B.X.T, H.Đ.B, H.B.T và B.X.Kh có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chẵn. Quá trình điều tra các bị cáo khai chỉ có 7.620.000đồng để đánh bạc, các bị cáo không thừa nhận nhưng thực tế thu giữ tại vị trí đánh bạc là 17.770.000đồng nên xác định số tiền thực tế các bị cáo sử dụng đánh bạc là 17.770.000đồng.

Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc sát phạt nhau được thua bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào đều là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lời, muốn chuyển tài sản của người khác thành tài sản của mình một cách nhanh chóng nên các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Căn cứ vào hành vi và tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến việc quản lý Nhà nước về trật tự xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo, răn đe phòng ngừa chung trong xã hội, góp phần đấu tranh và bài trừ tệ nạn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự chuẩn bị bàn bạc, câu kết chặt chẽ từ trước giữa các bị cáo nên cần phân hóa vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt cho phù hợp. Bị cáo H cho các bị cáo khác đến nhà ở của mình để đánh bạc và chuẩn bị B bài, bát sừ đánh bạc, tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt giữ với số tiền là 2.420.000đồng nên giữ vai trò thứ nhất; B.X.T sử dụng số tiền 2.400.000đồng nên giữ vai trò thứ hai; H.Đ.B sử dụng số tiền 800.000đồng ít hơn bị cáo T nhưng đã bị nhiều lần Tòa án xét xử trong đó có tội Đánh bạc nên giữ vai trò thứ ba; H.B.T sử dụng số tiền 2.000.000đồng giữ vai trò thứ tư; B.X.Kh không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng ngồi xem, tham gia chia bài cho các bị cáo nên

phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm cùng các bị cáo nên giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

[3]. *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (viết tắt TNHS) đối với các bị cáo:* Bị cáo H.Đ.B có nhân thân xấu đã nhiều lần bị Tòa án kết án, còn các bị cáo L.V.H, B.X.T, H.B.T, B.X.Kh đều không có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo H, T, T, Kh đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 B luật hình sự. Ngày 18/3/2020 bị cáo T có công cứu giúp cháu Lê Trọng Vũ con anh Lê Trọng Dân và chị Nguyễn Thị Dung ở thôn Bái Dương, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương khỏi đuối nước trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, gia đình cháu Vũ có đơn đề nghị xin giảm TNHS cho bị cáo và được UBND xã Lương Điền xác nhận vào ngày 16/11/2020.

Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, đồng thời phân hóa vai trò của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo H, T sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc, bị cáo H vừa cho các bị cáo khác đến nhà để đánh bạc, vừa chuẩn bị B bài, bát sừ để sử dụng đánh bạc thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo B đã nhiều lần bị Tòa án xét xử nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó HĐXX nên cần thiết cách ly các bị cáo H, T, B ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo được án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Kh giữ vai trò sau cùng nên HĐXX xét xử áp dụng hình phạt chính phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc ổn định, không có tài sản riêng và là lao động chính trong gia đình nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

-. Đối với số tiền 17.770.000 đồng là tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 B luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 B luật tố tụng hình sự.

-. Đối với 01 bát sứ, 01 B bài chắn gồm 100 quân là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 B luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 B luật tố tụng hình sự.

[6]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 B luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Đối với các vấn đề khác:

-. Đối với L.V.H đã sử dụng chỗ ở của mình làm địa điểm để đánh bạc nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” mà chỉ bị xử lý về tội “Đánh bạc”.

-. Chị B.Th.H là vợ của bị cáo L.V.H không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

-. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 B luật hình sự đối với bị cáo L.V.H, B.X.T.

Tuyên bố: Bị cáo L.V.H, B.X.T phạm tội "Đánh bạc".

+ Xử phạt bị cáo L.V.H 11 (mười một) tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/10/2020). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 10 (mười) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo B.X.T 09 (chín) tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/10/2020). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 08 (tám) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 B luật hình sự đối với bị cáo H.Đ.B.

+ Xử phạt bị cáo H.Đ.B 09 (chín) tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/10/2020). Buộc bị cáo phải chấp hành

hình phạt tù còn lại là 08 (tám) tháng 27(hai mươi bảy). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 B luật hình sự đối với bị cáo H.B.T. Tuyên bố: Bị cáo H.B.T phạm tội "Đánh bạc".

+ Xử phạt bị cáo H.B.T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo H.B.T cho UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú quản lý giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo H.B.T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 B luật hình sự đối với bị cáo B.X.Kh.

Tuyên bố: Bị cáo B.X.Kh phạm tội “Đánh bạc”.

Phạt tiền: Bị cáo B.X.Kh số tiền 60.000.000đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 B luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 B luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 17.700.000đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 B bài chắn gồm 100 quân.

Toàn B số vật chứng trên có tình trạng và đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Cẩm Giàng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 13/11/2020.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 B luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo L.V.H, B.X.T, H.Đ.B, H.B.T và B.X.Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THA hình sự huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Hà